TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG Đ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 103/2022/QĐST- HNGĐ	*Quảng Đ, ngày 29 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG Đ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và L phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 112/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Tuân S, sinh năm 1991. Nơi cư trú: thôn Tân Thành, xã Quảng Công, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1989. Nơi đăng ký thường trú: 101 Lê Huân, phường Thuận Hoà, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: thôn Phò Nam B, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuân S và Nguyễn Thị Thanh L kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 01 năm, được gia đình đồng ý tổ chức cưới theo phong tục địa phương và anh, chị đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng Công, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 29/06/2017. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh S, chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạn phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng không còn tình cảm. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, nên anh S, chị L cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Tuân S và Nguyễn Thị Thanh L xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 20/10/2018. Khi ly hôn anh S, chị L thỏa thuận giao cháu Nhi cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh S không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Tuân S và Nguyễn Thị Thanh L xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về L phí Tòa án: Anh Nguyễn Tuân S và Nguyễn Thị Thanh L mỗi người phải chịu 150.000 đồng L phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, nhưng chị L tự nguyện chịu toàn bộ L phí ly hôn của cả hai người là 300.000 đồng và chị đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 21 tháng 11 năm 2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Tuân S và Nguyễn Thị Thanh L.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 20/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh L trực trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Tuân S không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Tuân S và Nguyễn Thị Thanh L xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về L phí Tòa án:

Anh Nguyễn Tuân S và Nguyễn Thị Thanh L mỗi người phải chịu 150.000 đồng L phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nhưng anh S, chị L thoả thuận chị L chịu toàn bộ L phí ly hôn 300.000 đồng và chị Nguyễn Thị Thanh L đã nộp tạm ứng L phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Toà án số 0002224 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên được khấu trừ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T T Huế;*
- *VKSND huyện Quảng Đ;*
- *THADS huyện Quảng Đ;*
- *UBND xã Quảng Công, huyện Quảng Đ;*
(ĐKKH ngày 29/06/2017)
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh